

Số: ~~3287~~ /TCT-TCCB
V/v thông báo tuyển dụng công chức
Tổng cục Thuế năm 2022

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 1718/QĐ-BTC ngày 29/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 đối với Cơ quan Tổng cục Thuế và 62 Cục Thuế các tỉnh, thành phố, Tổng cục Thuế đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện các công việc sau:

I. Thông báo công khai chủ trương tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022

1. Tổng cục Thuế đề nghị các Cục Thuế:

- Niêm yết công khai tại trụ sở Cục Thuế, các Chi cục Thuế trực thuộc và Website của Cục Thuế (nếu có):

+ Toàn văn Thông báo tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 kèm theo Chỉ tiêu tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 (*Thông báo gửi kèm Công văn này*);

+ Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển công chức (*Phụ lục 01 kèm Công văn này*);

+ Yêu cầu các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo quy định của Bộ Y tế và của địa phương;

+ Số điện thoại của bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển để thí sinh liên hệ;

+ Sơ đồ chỉ dẫn địa điểm nộp hồ sơ dự tuyển (do Cục Thuế lập).

- Tùy theo tình hình cụ thể ở địa phương, Cục Thuế có thể đăng thông báo tuyển dụng rút gọn (*gửi kèm công văn này*) trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng là báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình (Tổng cục Thuế sẽ đăng trên Báo Nhân dân và Website của Tổng cục Thuế).

2. Thời gian niêm yết công khai thông báo tuyển dụng là 30 ngày.

Thống nhất bắt đầu từ 8h00 ngày 21/10/2022 đến 17h00 ngày 19/11/2022.

II. Tổ chức tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự tuyển và thu lệ phí dự tuyển

1. Về việc tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

1.1. Thời gian và hình thức đăng ký dự tuyển:

- Thời gian đăng ký: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày 21/10/2022 đến 17h00 ngày 19/11/2022.

- Hình thức đăng ký dự tuyển: Trực tuyến (*địa chỉ đăng ký trực tuyến: <https://dangkydutuyen.gdt.gov.vn>*).

Lưu ý: Thí sinh đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn trước khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp tại Cơ quan thuế. Khi đăng ký dự tuyển trực tuyến, thí sinh phải đính kèm bộ Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức (trừ Phiếu đăng ký dự tuyển).

1.2. Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển:

Sau khi đăng ký dự tuyển trực tuyến thành công, thí sinh sẽ nhận được Phiếu hẹn đến Cơ quan thuế đăng ký dự tuyển để nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp và lệ phí dự tuyển.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: **05 ngày làm việc kể từ 8h00 ngày 15/11/2022 đến 17h00 ngày 19/11/2022.**

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Cơ quan Tổng cục Thuế: Trụ sở Cơ quan Tổng cục Thuế, số 123 Lò Đúc, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào 62 Cục Thuế tỉnh, thành phố và 342 Chi cục Thuế trực thuộc: Trụ sở Cục Thuế các tỉnh, thành phố hoặc địa điểm do Cục Thuế thông báo. Cục Thuế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển để thí sinh biết.

2. Trách nhiệm của Cục Thuế

2.1. Trách nhiệm chung

- Bố trí đầy đủ phòng làm việc, cử công chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức và thu lệ phí dự tuyển; Quán triệt công chức được giao trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thí sinh nộp hồ sơ, nghiêm cấm các hành vi gây phiền hà và nhũng nhiễu.

- Tổ chức, quán triệt trong công tác tiếp nhận hồ sơ và thu lệ phí dự tuyển phải đảm bảo thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo quy định của Bộ Y tế và của địa phương.

- Công chức được cử tham gia Tổ kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển công chức tại Cục Thuế có trách nhiệm rà soát tính đầy đủ của Phiếu đăng ký dự tuyển; đối chiếu tính chính xác giữa Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ đăng ký dự tuyển theo đúng quy định tại Thông báo tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022.

- Hết thời hạn đăng ký trực tuyến, Tổng cục Thuế sẽ đóng hệ thống đăng ký dự tuyển công chức. Cục Thuế rà soát và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi vào Cục Thuế từ danh sách được kết xuất tại hệ thống Phần mềm đăng ký dự tuyển.

2.2. Cục trưởng Cục Thuế chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển

dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022:

- Về tính đầy đủ, chính xác giữa Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh đăng ký dự thi vào Cục Thuế.

- Về việc xác định thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022.

- Về tính chính xác trong việc lập danh sách thí sinh đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức.

3. Về thu, nộp lệ phí dự tuyển

- Mức thu lệ phí dự tuyển theo quy định của Nhà nước là: 300.000 đồng/người, bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng (chỉ thu lệ phí đối với trường hợp đủ điều kiện dự tuyển). Mức thu này được niêm yết công khai tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ. Ngoài ra, không được thu thêm bất kỳ khoản thu nào khác (kể cả tiền gửi xe của thí sinh khi nộp hồ sơ dự tuyển).

- Giao Cục Thuế thu lệ phí dự tuyển và xuất biên lai theo quy định.

- Về quản lý và sử dụng lệ phí dự tuyển, Tổng cục Thuế sẽ có văn bản hướng dẫn sau.

4. Yêu cầu trong công tác phòng chống dịch bệnh khi tiếp nhận hồ sơ và thu lệ phí dự tuyển

Quán triệt, đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Y tế và của địa phương; giao Cục Thuế thông báo rộng rãi để thí sinh chủ động thực hiện trước khi đến nộp hồ sơ và lệ phí dự tuyển.

5. Hướng dẫn một số nội dung khi tiếp nhận hồ sơ

- Không bắt buộc thí sinh phải nộp Chứng chỉ ngoại ngữ, Chứng chỉ tin học trong thành phần hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Đối với các ngạch dự tuyển Văn thư viên, Văn thư viên trung cấp: Thí sinh tốt nghiệp chuyên ngành Hành chính, Hành chính học, Quản trị văn phòng **thì phải nộp kèm theo Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư** do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thành phần hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển thực hiện theo hướng dẫn tại Thông báo tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 và phải khớp đúng với Hồ sơ đăng ký trực tuyến. Ngoài các thành phần hồ sơ theo quy định, đơn vị không được đưa ra thêm bất cứ yêu cầu nào khác về thành phần hồ sơ.

- Phiếu đăng ký dự tuyển công chức phải điền đầy đủ các đề mục theo hướng dẫn, chính xác với bộ Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức đính kèm trên Phần mềm đăng ký dự tuyển. Phiếu đăng ký dự tuyển in từ phần mềm và phải được thí sinh ký tên trên từng trang; phải cam kết những thông tin đã khai trên phiếu là đúng sự thật, trường hợp khai sai thì người dự tuyển sẽ bị hủy bỏ kết quả tuyển dụng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

III. Chế độ báo cáo:

Tổng cục Thuế yêu cầu Cục Thuế thực hiện chế độ báo cáo kết quả tiếp nhận Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức và thu lệ phí dự tuyển (qua Vụ Tổ chức cán bộ), bao gồm:

+ Bản dấu đỏ danh sách thí sinh ký tên khi hoàn thiện nộp Hồ sơ đăng ký dự tuyển và nộp lệ phí dự tuyển (*theo Biểu số 01 kèm theo Công văn*); thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu vào danh sách;

+ Bản dấu đỏ danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển vào Cục Thuế kết xuất từ phần mềm đăng ký dự tuyển (không thêm, bớt cột và thực hiện đúng các quy ước về chữ viết tắt); thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu vào danh sách (*theo Biểu số 02 kèm theo Công văn*);

Hai bản dấu đỏ đề nghị gửi về Vụ Tổ chức cán bộ chậm nhất **trong ngày 24/11/2022**.

+ Gửi file dữ liệu bản mềm các danh sách (bản scan, bản excel) về địa chỉ email của các đồng chí phụ trách tổng hợp dữ liệu; gửi về chậm nhất **trước ngày 22/11/2022**.

Đồng chí phụ trách chung về tổng hợp dữ liệu kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022: Các tỉnh từ Thừa Thiên Huế trở ra gửi về đồng chí Hà Thị Thu Hằng (*địa chỉ email: htthang01@gdt.gov.vn, hoặc “Hàng, Hà Thị Thu Hằng (TCCB-TCT)”*); Các Cục Thuế từ Đà Nẵng trở vào gửi về đồng chí Trần Ngọc Hoàng (*địa chỉ email: tnhoang@gdt.gov.vn, hoặc “Hoàng, Trần Ngọc Hoàng (TCCB-TCT)”*).

IV. Thời gian và địa điểm tổ chức kỳ thi tuyển:

Về thời gian, địa điểm tổ chức kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Thuế năm 2022: Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 sẽ có văn bản hướng dẫn và thông báo công khai trên Website của Tổng cục Thuế để các Cục Thuế và các thí sinh thuận tiện tra cứu.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Cục Thuế phản ánh kịp thời về Tổng cục Thuế (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để phối hợp giải quyết./. ✕

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, TCCB (3b). ✕

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**



Dương Văn Hùng

Thông báo tuyển dụng Tổng cục Thuế năm 2022

(Thông báo rút gọn kèm theo Công văn số 3880 /TCT-TCCB ngày 20/10/2022 của Tổng cục Thuế)

Được sự phê duyệt của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế triển khai tổ chức kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 vào Cơ quan Tổng cục Thuế và 62 Cục Thuế tỉnh, thành phố.

Thời gian đăng ký trực tuyến: trong vòng 30 ngày, kể từ ngày 21/10/2022 đến 17h00 ngày 19/11/2022.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ trực tiếp: 05 ngày làm việc, kể từ 8h00 ngày 15/11/2022 đến 17h00 ngày 19/11/2022.

Chi tiết về chỉ tiêu tuyển dụng; điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển; hồ sơ đăng ký dự tuyển; địa điểm tiếp nhận hồ sơ; nội dung thi và hình thức thi,... được đăng trên Website của Tổng cục Thuế (www.gdt.gov.vn) và niêm yết công khai tại trụ sở Cơ quan Tổng cục Thuế và 62 Cục Thuế tỉnh, thành phố.

TỔNG CỤC THUẾ

DANH SÁCH NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số..... ngày// 2022 của Cục Thuế.....)

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí dự tuyển	Mã số hồ sơ	Phiếu đăng ký dự thi tuyển công chức	Văn bằng dự tuyển	Bảng điểm	Hồ sơ miễn thi Ngoại ngữ	Hồ sơ ưu tiên	Ký nộp	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1												
2												
3												

Ghi chú:

- Cột 3, 4, 5, 6, 7: Đánh dấu "X", nếu có thông tin tại Hồ sơ đăng ký tuyển dụng;
- Cột C: Chỉ điền Tên (gồm 01 từ).

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG TCCB

.....ngày.....tháng.....năm 2022
CỤC TRƯỞNG

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2022 VÀO CỤC THUẾ.....

(Kèm theo Công văn số...../.....ngày/...../2022 của Cục Thuế.....)

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Điện thoại hoặc địa chỉ liên lạc	Trình độ đào tạo	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Xếp loại	Đăng ký dự thi tuyển		Miễn ngoại ngữ	Thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Mã hồ sơ của thí sinh	Ghi chú
			Nam			Nữ										Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển					
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ																					
II	Kiểm tra viên thuế																					
III	Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																					
IV	Văn thư viên																					
V	Kiểm tra viên trung cấp thuế																					
VI	Văn thư viên trung cấp																					
Tổng cộng:hồ sơ																						

Ghi chú:

- Cột 12, 13, 14, 15, 16: Chỉ điền thông tin đào tạo văn bằng mà thí sinh sử dụng để đăng ký dự tuyển vào ngạch tuyển dụng;

- Cột 3: Điền Tên của thí sinh (chỉ gồm 01 từ);

- Đề nghị các Cục Thuế điền đầy đủ thông tin, không thêm cột, bớt cột, dòng. Điền thông tin các cột 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 21, 22, 23: theo Quy ước tại Sheet bên cạnh

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG TCCB

.....ngày.....tháng.....năm 2022
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Quy ước:**Cột 12:**

ThS	- Thạc sỹ
ĐH	- Đại học, cử nhân, kỹ sư
CD	- Cao đẳng
TC	- Trung cấp, trung học chuyên nghiệp cấp văn bằng

Cột 13: -Ghi cụ thể tên cơ sở đào tạo cấp văn bằng**Cột 14:** Ghi chuyên ngành đào tạo trên bảng điểm**Cột 15:** Ghi rõ loại hình đào tạo:

CQ	- Chính quy
TC	- Tại chức
VB2	- Văn bằng 2
LT	- Liên thông
TX	- Từ xa

Cột 16:

XS	- Xuất sắc
G	- Giỏi
K	- Khá
TBK	-Trung bình - khá
TB	- Trung bình
Kém	- Kém

Cột 18:

CV	Chuyên viên
KTVT	Kiểm tra viên thuế
CVT	Chuyên viên làm công nghệ Thông tin
VTĐ	Văn thư (Đại học)
CST	Cán sự (trình độ cao đẳng) làm công nghệ Thông tin
KTVTC	Kiểm tra viên trung cấp thuế
VTT	Văn thư Trung cấp

Cột 19: nếu thuộc đối tượng được miễn ngoại ngữ: đánh dấu x**Cột 22:**

AHLLVT, AHLĐ	- Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động
TB, Người HCS như TB, TB loại B	- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, Thương binh loại B
Người DTTS	- Người Dân tộc thiểu số
SQQĐ, SQCA, QNCN, Người làm CTCYCN	- Sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành
Con TB, Con LS, Con BB	- Con thương binh, con liệt sĩ, con bệnh binh, Con thương binh loại B
Con của NHCS như TB	- Con của người được hưởng chính sách như thương binh
Con của TB loại B	- Con của thương binh loại B
Con của NHĐCM trước TKN	- Con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa
Con đẻ của NHĐKC bị NCDHH	- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học
Con AHLLVT, Con AHLĐ	- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động
Người HTNVQS, Người HT NVLLCAND	- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân
Đội viên TNXP, Đội viên trí thức trẻ tình nguyện	- Đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên

Cột 23: (Mã số hồ sơ của thí sinh khi đăng ký trực tuyến trên phần mềm, được in trên Phiếu đăng ký dự tuyển và Phiếu hẹn)

Mã Cục Thuế + STT hồ sơ

THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2022
(Kèm theo Công văn số 3880 /TCT-TCCB ngày 20 /10/2022
của Tổng cục Thuế)

Căn cứ Quyết định số 1718/QĐ-BTC ngày 29/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022, Tổng cục Thuế thông báo như sau:

I. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

Chỉ tiêu tuyển dụng công chức làm chuyên môn nghiệp vụ Tổng cục Thuế năm 2022 tại Cơ quan Tổng cục Thuế, 62 Cục Thuế các tỉnh, thành phố và 342 Chi cục Thuế trực thuộc được xác định là: **2.024 chỉ tiêu**, cụ thể theo từng ngạch công chức như sau:

- Ngạch Chuyên viên: **527** chỉ tiêu, trong đó:
 - + Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ: **283** chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công nghệ thông tin: **231** chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công tác QLXD cơ bản: **08** chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công tác Đảng: **02** chỉ tiêu;
 - + Chuyên viên làm công tác truyền thông: **03** chỉ tiêu.
- Ngạch Kiểm tra viên thuế: **1.387** chỉ tiêu.
- Ngạch Kiểm tra viên Trung cấp thuế: **25** chỉ tiêu.
- Ngạch Văn thư viên: **47** chỉ tiêu.
- Ngạch Văn thư viên trung cấp: **38** chỉ tiêu.

(Bảng chi tiết chỉ tiêu tuyển dụng công chức kèm theo Thông báo)

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC

1. Điều kiện chung

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí dự tuyển;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn

2.1. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Kiểm tra viên thuế (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*) và **ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế** (*Có Bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên*) gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau: Thuế, Thuế - Hải quan, Hải quan; Kế toán, Kế toán - Kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán công, Kiểm toán; Tài chính, Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính kế toán, Tài chính quốc tế; Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh xuất nhập khẩu, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế học, Kinh tế ngoại thương, Kinh tế phát triển, Kinh tế và thương mại quốc tế, Kinh tế vận tải biển, Kinh tế và quản lý công, Kinh tế Quốc tế, Marketing; Ngân hàng, Ngoại Thương, Quản lý kinh doanh, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị thương mại, Thương mại điện tử, Thương mại đối ngoại, Thương mại quốc tế, Thống kê kinh tế, Thống kê kinh doanh.

2.2. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*) gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau: Thuế, Thuế - Hải quan, Hải quan; Kế toán, Kế toán - Kiểm toán, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán công, Kiểm toán; Tài chính, Tài chính - Ngân hàng, Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính kế toán, Tài chính quốc tế; Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh xuất nhập khẩu, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế học, Kinh tế ngoại thương, Kinh tế phát triển, Kinh tế và thương mại quốc tế, Kinh tế vận tải biển, Kinh tế và quản lý công, Kinh tế Quốc tế, Marketing; Ngân hàng, Ngoại Thương, Quản lý kinh doanh, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản trị thương mại, Thương mại điện tử, Thương mại đối ngoại, Thương mại quốc tế, Thống kê kinh tế, Thống kê kinh doanh; Quản lý công, Quản trị nhân lực.

2.3. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm Công nghệ thông tin (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*), gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ phần mềm, Công nghệ thông tin; An toàn thông tin, Điện tử viễn thông, Hệ thống máy tính, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Khoa học dữ

liệu, Khoa học máy tính, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Máy tính và khoa học thông tin, Tin học, Toán - Tin, Toán - tin ứng dụng, Quản lý thông tin.

2.4. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm Quản lý xây dựng cơ bản (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*), gồm các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” được đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau: Kinh tế xây dựng; Kiến trúc; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật điện lạnh.

2.5. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm công tác Đảng (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*), các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” sau được đăng ký dự tuyển cụ thể: Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý Nhà nước.

2.6. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vị trí Chuyên viên làm công tác truyền thông (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*), các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” sau được đăng ký dự tuyển cụ thể: Báo chí; Quản lý báo chí - truyền thông.

2.7. Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngạch Văn thư viên (*Có Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên*) và **ngạch Văn thư viên trung cấp** (*Có Bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên*), các ngành hoặc chuyên ngành có ghi một trong các “cụm từ” sau được đăng ký dự tuyển cụ thể: Văn thư, Văn thư lưu trữ, Lưu trữ học. Trường hợp tốt nghiệp ngành hoặc các chuyên ngành sau: Hành chính, Hành chính học, Quản trị văn phòng thí sinh phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

3. Điều kiện về trình độ tin học, ngoại ngữ:

- *Đối với ngạch Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế:* Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với vị trí việc làm yêu cầu công tác ở vùng dân tộc thiểu số. Yêu cầu sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam đối với từng ngạch cụ thể như sau:

+ Ngạch Chuyên viên: Bậc 3

+ Ngạch Kiểm tra viên thuế: Bậc 2

- *Đối với ngạch Kiểm tra viên trung cấp thuế; Văn thư viên và Văn thư viên trung cấp:* Không yêu cầu.

- Không yêu cầu thí sinh dự tuyển nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học ở trình độ tương ứng khi nộp hồ sơ dự tuyển.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG TUYỂN DỤNG

1. Về việc nhận hồ sơ đối với các trường hợp có giấy chứng nhận tốt nghiệp:

Đối với thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp nhưng chưa được cơ sở đào tạo cấp bằng, khi nộp hồ sơ tuyển dụng có thể nộp giấy chứng nhận hoặc xác nhận tốt nghiệp chờ cấp bằng của cơ sở đào tạo và phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp trước ngày thi tuyển. Trường hợp trước ngày thi tuyển chính thức, thí sinh chưa bổ sung bằng tốt nghiệp sẽ không được tham dự kỳ thi.

2. Về việc miễn thi ngoại ngữ:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định các trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ gồm:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức:

Thực hiện theo quy định tại điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ. Hồ sơ xác định ưu tiên trong tuyển dụng như sau:

a) Đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ các loại có xác nhận là:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang; Anh hùng Lao động; Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; Thẻ (thương binh, bệnh binh...); Quyết định được hưởng chính sách là thương binh; Quyết định trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hoá học.

- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu đãi do Phòng Lao động thương binh và xã hội cấp huyện trở lên xác nhận.

b) Đối với Sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Các đối tượng trên nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Quyết định xuất ngũ hoặc các giấy tờ xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an nhân dân; giấy tờ xác nhận đã tốt nghiệp các khóa đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị.

c) Đối với người dân tộc thiểu số: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2 và phải nộp bản sao (không cần chứng thực) giấy tờ sau:

Giấy khai sinh của thí sinh ghi rõ dân tộc thiểu số. Trong trường hợp giấy khai sinh của thí sinh không ghi rõ thành phần dân tộc, đề nghị thí sinh bổ sung căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của thí sinh đăng ký dự tuyển (áp dụng theo Công văn số 1446/VPCP-ĐP ngày 20/3/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc xác nhận thành phần dân tộc).

- Thông tin đối tượng được ưu tiên phải được kê khai trên Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp kê khai bổ sung sau khi hết hạn nộp hồ sơ sẽ không được tính cộng điểm ưu tiên.

Lưu ý: Hồ sơ ưu tiên nêu trên phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển. Nếu thời điểm cấp sau thời điểm hết hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì không được cộng điểm ưu tiên theo quy định.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

4.1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức:

Những người có đủ các điều kiện nếu tham gia dự tuyển phải nộp hồ sơ dự tuyển công chức trực tiếp cho đơn vị tuyển dụng thuộc Tổng cục Thuế. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại 01 đơn vị, cụ thể mỗi bộ Hồ sơ gồm các thành phần tài liệu sau:

(1) Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu tại Phụ lục đính kèm. Người dự tuyển khai đúng theo hướng dẫn, phải ký tên trên từng trang của Phiếu đăng ký và phải cam kết những thông tin đã khai trên phiếu là đúng sự thật; trường hợp khai sai thì kết quả tuyển dụng sẽ bị hủy bỏ và người dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(2) Bản chụp văn bằng tốt nghiệp và kết quả học tập (Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Cao đẳng, Trung cấp): bản photo, không yêu cầu chứng thực, công chứng, sao y.

- Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, khi nộp hồ sơ dự tuyển thí sinh cần nộp bản photo văn bằng và bằng kết quả học tập (tất cả kèm bản dịch sang tiếng Việt công chứng) và bản photo giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định.

(3) Đối với thí sinh được miễn thi ngoại ngữ: yêu cầu thí sinh nộp bản chụp (bản photo) một trong các giấy tờ sau:

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định khi nộp hồ sơ theo quy định tại mục (2) nêu trên.

- Bằng tốt nghiệp đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp Đại học, sau Đại học chuyên ngành về ngoại ngữ,

- Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số đối với người dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số, giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số.

(4) Đối với người dự tuyển là đối tượng ưu tiên tuyển dụng thì nộp thêm các giấy tờ theo quy định tại mục 3 Phần IV về Ưu tiên trong tuyển dụng.

(5) Ba phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận (thí sinh hoặc thân nhân); 02 ảnh (cỡ 4cm x 6cm) chụp trong thời gian gần nhất, từ 03 tháng tính đến thời điểm thông báo.

Lưu ý:

** Người dự tuyển phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ đăng ký dự tuyển. Sau khi có kết quả thi, nếu trúng tuyển thí sinh phải nộp đầy đủ văn bằng tốt nghiệp và bằng kết quả học tập theo ngạch đăng ký dự tuyển, văn bằng được miễn thi ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc (nếu được miễn thi ngoại ngữ) theo quy định.*

** Người dự tuyển không phải nộp Giấy khám sức khỏe, Sơ yếu lý lịch, Giấy khai sinh khi nộp hồ sơ dự tuyển.*

4.2. Hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển:

(1) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao chứng thực: Văn bằng tốt nghiệp và bằng kết quả học tập, văn bằng được miễn thi ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc, giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số (nếu được miễn thi ngoại ngữ) theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

(2) Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, khi trúng tuyển, thí sinh phải nộp giấy công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh phải nộp các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định. Trường hợp không có giấy công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các tài liệu chứng minh văn bằng được miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng sẽ không được tuyển dụng.

(3) Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

5. Lệ phí dự tuyển: Thí sinh đăng ký dự tuyển nộp lệ phí dự tuyển là 300.000 đồng/người (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp không đủ điều kiện dự tuyển hoặc thí sinh đăng ký nhưng không tham gia thi tuyển, Tổng cục Thuế không hoàn trả lại hồ sơ đăng ký dự tuyển và lệ phí dự tuyển.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển:

6.1. Thời gian và hình thức đăng ký dự tuyển:

- Thời gian đăng ký trực tuyến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày 21/10/2022 đến 17 giờ 00 ngày 19/11/2022.

- Hình thức đăng ký dự tuyển: Trực tuyến (địa chỉ đăng ký trực tuyến: <https://dangkydutuyen.gdt.gov.vn>).

Lưu ý:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn kèm theo Thông

báo này trước khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp tại Cơ quan thuế.

+ Khi đăng ký dự tuyển trực tuyến, thí sinh phải đính kèm bộ Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức (trừ Phiếu đăng ký dự tuyển).

6.2. Thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển:

Sau khi đăng ký dự tuyển trực tuyến thành công, thí sinh sẽ nhận được Phiếu hẹn đến Cơ quan thuế đăng ký dự tuyển để nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp và lệ phí dự tuyển.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: **05 ngày làm việc kể từ 08 giờ 00 ngày 15/11/2022 đến 17 giờ 00 ngày 19/11/2022.**

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Cơ quan Tổng cục Thuế: Trụ sở Cơ quan Tổng cục Thuế, số 123 Lò Đúc, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào 62 Cục Thuế tỉnh, thành phố và 342 Chi cục Thuế trực thuộc: Trụ sở Cục Thuế các tỉnh, thành phố hoặc địa điểm do Cục Thuế thông báo. Cục Thuế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển để thí sinh biết.

7. Yêu cầu đối với thí sinh trong công tác phòng chống dịch bệnh khi đến nộp hồ sơ và lệ phí dự tuyển

Thí sinh phải thực hiện đầy đủ quy định về phòng chống dịch bệnh của Bộ Y tế và của địa phương nơi thí sinh đăng ký dự tuyển theo thông báo của đơn vị tiếp nhận hồ sơ khi đến nộp hồ sơ và lệ phí dự tuyển.

IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC VÀ XÁC ĐỊNH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN

1. Thí sinh tham gia thi tuyển công chức được thực hiện theo hai vòng thi:

1.1. Vòng 1:

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính

- Nội dung thi và thời gian thi: gồm 2 phần

Phần I: Kiến thức chung (60 câu hỏi, thời gian thi là 60 phút) về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

Phần II: Ngoại ngữ, thi Tiếng Anh (30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam:

+Trình độ bậc 3 đối với ngạch Chuyên viên;

+ Trình độ bậc 2 đối với ngạch Kiểm tra viên thuế.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

1.2. Vòng 2:

- Hình thức thi: Thi viết
- Thời gian thi: 180 phút
- Nội dung thi:

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các ngạch Chuyên viên làm chuyên môn, nghiệp vụ và Kiểm tra viên thuế, Kiểm tra viên trung cấp thuế: Kiến thức về thuế (Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân) và Luật Quản lý thuế.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Chuyên viên làm công nghệ thông tin: Kiến thức về công nghệ thông tin (kỹ thuật máy tính; khoa học máy tính; kỹ thuật phần mềm - mạng máy tính và truyền thông); Kiến thức về hệ điều hành Window; Kiến thức về quản trị Cơ sở dữ liệu; Sử dụng các ứng dụng của Office 2010 (chủ yếu là Microsoft Excel và Microsoft Word).

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Chuyên viên làm quản lý xây dựng cơ bản: Kiến thức về quản lý đầu tư xây dựng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Chuyên viên làm công tác đảng: Công tác văn phòng cấp ủy; công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đảng; chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Đảng ủy.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Chuyên viên làm công tác truyền thông: Kiến thức về công tác truyền thông; nghiệp vụ báo chí; kỹ năng hoạt động nghề nghiệp.

+ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngạch Văn thư viên, ngạch Văn thư viên trung cấp: Kiến thức về lưu trữ học và quản trị văn phòng; về hành chính văn thư; về văn thư - lưu trữ.

2. Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022:

Xác định, thông báo thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

V. DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI TUYỂN

Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thuế năm 2022 sẽ thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia dự thi tuyển công chức; thời gian địa điểm tổ chức thi tuyển; kết quả thi tuyển và các thông tin khác trên trang thông tin điện tử của Cơ quan Tổng cục Thuế (địa chỉ: www.gdt.gov.vn) và tại trụ sở Cục Thuế.

Lưu ý: Hội đồng tuyển dụng không gửi bất kỳ thông báo bằng giấy nào đến từng thí sinh dự tuyển.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác đăng ký dự tuyển đối với thí sinh có nhu cầu đăng ký dự thi và Tổng cục Thuế, đề nghị các thí sinh truy cập vào đường dẫn ứng dụng đăng ký trực tuyến như sau: **<https://dangkydutuyen.gdt.gov.vn>** để thực hiện việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển và nộp kèm theo các văn bằng chứng chỉ theo hướng dẫn. Sau khi đăng ký dự tuyển trực tuyến thành công, thí sinh in phiếu hẹn và in Phiếu đăng ký dự tuyển đã kê khai, nộp trực tiếp theo thời gian được ghi trên phiếu hẹn./.

TỔNG CỤC THUẾ 

BỘ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính)

TT CỤC CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ đều đăng ký tuyển dụng năm 2022	trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$1=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1		An Giang	65	10	52	0	2	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	16	2	13	0	0	1	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	49	8	39	0	2	0	0	0	0	0	
1	1	Chi cục Thuế thành phố Long Xuyên	9	1	8	0	0	0	0	0	0	0	
2	2	Chi cục Thuế khu vực Châu Đốc - Châu Phú	11	2	8	0	1	0	0	0	0	0	
3	3	Chi cục Thuế khu vực Tân Châu - An Phú	6	1	5	0	0	0	0	0	0	0	
4	4	Chi cục Thuế khu vực Châu Thành - Thoại Sơn	6	1	5	0	0	0	0	0	0	0	
5	5	Chi cục Thuế khu vực Chợ Mới - Phú Tân	13	3	10	0	0	0	0	0	0	0	
6	6	Chi cục Thuế khu vực Tịnh Biên - Tri Tôn	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
3		Bà Rịa - Vũng Tàu	27	0	23	0	5	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	7	0	5	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	20	0	17	0	3	0	0	0	0	0	
7	1	Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
8	2	Chi cục Thuế khu vực Bà Rịa-Long Điền-Đất Đỏ	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
9	3	Chi cục Thuế khu vực Xuyên Mộc - Châu Đức	7	0	5	0	2	0	0	0	0	0	
10	4	Chi cục Thuế thị xã Phú Mỹ	6	0	5	0	1	0	0	0	0	0	
3		Bắc Giang	17	3	11	0	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	8	2	5	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục thuế trực thuộc	9	1	6	0	2	0	0	0	0	0	
11	1	Chi cục Thuế KV Bắc Giang- Yên Dũng	4	1	2	0	1	0	0	0	0	0	
12	2	Chi cục Thuế KV Việt Yên- Hiệp Hòa	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
13	3	Chi cục Thuế KV Tân Yên- Yên Thế	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
14	4	Chi cục Thuế KV Lạng Giang- Lục Nam	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
15	5	Chi cục Thuế KV Lục Ngạn- Sơn Động	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
4		Bắc Kạn	5	0	2	0	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	4	0	2	0	2	0	0	0	0	0	
16	1	Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nham	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
17	2	Chi cục Thuế huyện Na Rì	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	

TT CỤC CH CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyên dụng năm 2022	Trong đó								Chỉ số	
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng		Chuyên viên làm công tác tuyên thông
4		B	1+2+3+4+5+6+7+8+9+10	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5		Bạc Liêu	18	8	8	0	2	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	16	8	6	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
18	1	Chi cục Thuế thành phố Bạc Liêu	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
19	2	Chi cục Thuế khu vực Phước Long - Hồng Dân	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
6		Bắc Ninh	9	0	6	0	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	3	0	0	0	3	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
20	1	Chi cục Thuế Thành phố Bắc Ninh	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
21	2	Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn- Yên Phong	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
22	3	Chi cục Thuế khu vực Tiên Du- Quế Võ	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
23	4	Chi cục Thuế khu vực Gia Thuận	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
7		Bến Tre	44	10	28	0	3	3	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	8	2	5	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	36	8	23	0	2	3	0	0	0	0	
24	1	Chi cục Thuế khu vực Bến Tre - Châu Thành	8	2	6	0	0	0	0	0	0	0	
25	2	Chi cục Thuế khu vực Mỏ Cày Nam - Thạnh Phú	7	2	5	0	0	0	0	0	0	0	
26	3	Chi cục Thuế khu vực Chợ Lách - Mỏ Cày Bắc	13	3	9	0	0	1	0	0	0	0	
27	4	Chi cục Thuế khu vực Ba Tri - Giồng Trôm	6	1	3	0	1	1	0	0	0	0	
28	5	Chi cục Thuế huyện Bình Đại	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0	
8		Bình Định	24	6	15	0	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	11	6	5	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	13	0	10	0	3	0	0	0	0	0	
29	1	Chi cục Thuế thành phố Quy Nhơn	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
30	2	Chi cục Thuế thị xã An Nhơn	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
31	3	Chi cục Thuế khu vực Tuy Phước - Văn Canh	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
32	4	Chi cục Thuế khu vực Tây Sơn- Vĩnh Thanh	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
33	5	Chi cục Thuế khu vực Phù Cát - Phù Mỹ	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
34	6	Chi cục Thuế khu vực Hoài Nhơn - Hoài Ân - An Lão	4	0	3	0	1	0	0	0	0	0	
9		Bình Dương	51	0	43	0	3	0	6	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	24	0	23	0	0	6	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	28	0	20	0	3	0	5	0	0	0	
35	1	Chi cục Thuế TP. Thủ Đức mới	9	0	7	0	1	0	1	0	0	0	
36	2	Chi cục Thuế TM. Thuận An	4	0	2	0	1	0	1	0	0	0	
37	3	Chi cục Thuế TP. Dĩ An	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$J=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
38	4	Chi cục Thuế Khu vực Bến Cát	5	0	4	0	0	0	1	0	0	0	
39	5	Chi cục Thuế Khu vực Tân Uyên:	7	0	5	0	0	0	2	0	0	0	
10		Bình Phước	12	0	8	0	3	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	10	0	6	0	3	1	0	0	0	0	
40	1	Chi cục Thuế KV Phước Long - Bù Gia Mập - Phú Riềng	3	0	0	0	2	1	0	0	0	0	
41	2	Chi cục Thuế KV Bình Long - Hớn Quản	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
42	3	Chi cục Thuế KV Lộc Ninh - Bù Đốp	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
43	4	Chi cục Thuế huyện Chơn Thành	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
44	5	Chi cục Thuế huyện Bù Đăng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
11		Bình Thuận	36	1	31	0	3	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	9	1	6	0	1	1	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	27	0	25	0	2	0	0	0	0	0	
45	1	Chi cục Thuế TP. Phan Thiết	17	0	15	0	2	0	0	0	0	0	
46	2	Chi cục Thuế khu vực Hàm Thuận Nam - Hàm Thuận Bắc	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
47	3	Chi cục Thuế khu vực La Gi - Hàm Tân	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
48	4	Chi cục Thuế khu vực Đức Linh - Tân Hải	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
12		Cà Mau	20	4	10	0	5	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	18	3	10	0	4	1	0	0	0	0	
49	1	Chi cục Thuế khu vực II	5	1	2	0	2	0	0	0	0	0	
50	2	Chi cục Thuế khu vực III	11	2	7	0	1	1	0	0	0	0	
51	3	Chi cục Thuế khu vực IV	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
13		Cần Thơ	48	15	27	0	4	2	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	9	5	4	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	39	10	23	0	4	2	0	0	0	0	
52	1	Chi cục Thuế quận Ninh Kiều	15	5	8	0	2	0	0	0	0	0	
53	2	Chi cục Thuế khu vực Bình Thủy - Ô Môn	6	3	3	0	0	0	0	0	0	0	
54	3	Chi cục Thuế khu vực Cái Răng - Phong Điền	8	2	5	0	1	0	0	0	0	0	
55	4	Chi cục Thuế khu vực Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh	5	0	4	0	0	1	0	0	0	0	
56	5	Chi cục Thuế khu vực Cờ Đỏ - Thới Lai	5	0	3	0	1	1	0	0	0	0	
14		Cao Bằng	11	5	6	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	11	5	6	0	0	0	0	0	0	0	
57	1	Chi cục Thuế Thành Phố	8	5	3	0	0	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$I=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
58	2	Chi cục Thuế huyện Bảo Lạc	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
59	3	Chi cục Thuế huyện Hạ Lang	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
60	4	Chi cục Thuế huyện Bảo Lâm	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
15		Đà Nẵng	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
61	1	Chi cục Thuế KV Thanh Khê - Liên Chiểu	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
16		Đắk Lắk	23	5	14	0	2	2	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	7	3	2	0	1	1	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	16	2	12	0	1	1	0	0	0	0	
62	1	Chi cục Thuế Tp. Buôn Ma Thuột	7	2	3	0	1	1	0	0	0	0	
63	2	Chi cục Thuế KV Cư M'gar - Buôn Đôn	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
64	3	Chi cục Thuế Krông Pắc	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
65	4	Chi cục Thuế Ea Súp	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
66	5	Chi cục Thuế KV EaH'leo - Buk	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
67	6	Chi cục Thuế KV Ea Kar - M'Drắk	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
68	7	Chi cục Thuế KV Lạc - Bông	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
69	8	Chi cục Thuế KV Buôn Hồ - Nang	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
17		Đắk Nông	7	2	3	0	2	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	5	2	1	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
70	1	Chi cục Thuế KV Đắk M'li - Đắk Song	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
71	2	Chi cục Thuế KV Cư Jút - Krông Nô	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
18		Điện Biên	20	0	18	0	0	0	2	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	7	0	6	0	0	0	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	13	0	12	0	0	0	1	0	0	0	
72	1	Chi cục Thuế khu vực TP Điện Biên Phủ - Mường Ảng	3	0	2	0	0	0	1	0	0	0	
73	2	Chi cục Thuế khu vực Tuần Giáo - Tòa Chùa	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
74	3	Chi cục Thuế khu vực Mường Chà - Mường Lay	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
75	4	Chi cục Thuế huyện Điện Biên	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
76	5	Chi cục Thuế huyện Điện Biên Đông	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
77	6	Chi cục Thuế huyện Mường Nhé	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
78	7	Chi cục Thuế huyện Nậm Pồ	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
19		Đồng Nai	43	7	27	6	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	16	7	6	0	3	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	27	0	21	6	0	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác tuyển thống	
A		B	$I=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
79	1	Chi cục thuế huyện Xuân Lộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
80	2	Chi cục thuế khu vực Biên Hòa - Vĩnh Cửu	5	0	4	1	0	0	0	0	0	0	
81	3	Chi cục thuế khu vực Long Thành - Nhơn Trạch	5	0	4	1	0	0	0	0	0	0	
82	4	Chi cục thuế khu vực Trảng Borm - Thông Nhứt	6	0	4	2	0	0	0	0	0	0	
83	5	Chi cục thuế khu vực Long Khánh - Cẩm Mỹ	5	0	4	1	0	0	0	0	0	0	
84	6	Chi cục thuế khu vực Định Quán - Tân Phú	4	0	3	1	0	0	0	0	0	0	
20		Đồng Tháp	45	3	39	0	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	11	3	7	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	34	0	32	0	2	0	0	0	0	0	
85	1	Chi cục Thuế khu vực 1	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
86	2	Chi cục Thuế khu vực 2	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
87	3	Chi cục Thuế khu vực 3	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
88	4	Chi cục Thuế khu vực 4	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
89	5	Chi cục Thuế khu vực 5	4	0	3	0	1	0	0	0	0	0	
90	6	Chi cục Thuế khu vực 6	7	0	6	0	1	0	0	0	0	0	
21		Gia Lai	27	3	18	0	6	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	8	0	6	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	19	3	12	0	4	0	0	0	0	0	
91	1	Chi cục Thuế thành phố Pleiku	6	2	4	0	0	0	0	0	0	0	
92	2	Chi cục Thuế khu vực Ia Grai - Chư Păh	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
93	3	Chi cục Thuế khu vực An Khê - Đak Pơ - Kông Chro	3	0	1	0	2	0	0	0	0	0	
94	4	Chi cục Thuế khu vực Ayun Pa - Phú Thiện - Ia Pa	4	1	2	0	1	0	0	0	0	0	
95	5	Chi cục Thuế huyện KBang	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
96	6	Chi cục Thuế huyện Đức Cơ	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
97	7	Chi cục Thuế huyện Krông Pa	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
22		Hà Giang	35	9	14	2	8	2	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	9	2	0	0	5	2	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	26	7	14	2	3	0	0	0	0	0	
98	1	Chi cục Thuế thành phố Hà Giang	3	1	1	0	1	0	0	0	0	0	
99	2	Chi cục Thuế khu vực Bắc Quang - Quang Bình	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
100	3	Chi cục Thuế huyện Vị Xuyên	4	1	2	1	0	0	0	0	0	0	
101	4	Chi cục Thuế huyện Bắc Mê	4	1	2	1	0	0	0	0	0	0	
102	5	Chi cục Thuế khu vực Hoàng Su Phì - Xín Mần	5	1	3	0	1	0	0	0	0	0	
103	6	Chi cục Thuế khu vực Quản Bạ - Yên Minh	5	2	3	0	0	0	0	0	0	0	
104	7	Chi cục Thuế khu vực Đông Văn - Mèo Vạc	3	1	2	0	0	0	0	0	0	0	
23		Hà Nam	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$1=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
105	1	Chi cục Thuế khu vực Phú Lý-Kim Bảng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
106	2	Chi cục Thuế khu vực Duy Tiên-Lý Nhân	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
24		Hà Nội	168	0	160	0	5	0	0	3	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	25	0	21	0	1	0	0	3	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	143	0	139	0	4	0	0	0	0	0	
107	1	Chi cục Thuế huyện Ba Vì	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
108	2	Chi cục Thuế huyện Phúc Thọ	7	0	6	0	1	0	0	0	0	0	
109	3	Chi cục Thuế Thị xã Sơn Tây	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
110	4	Chi cục Thuế huyện Đan Phượng	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
111	5	Chi cục Thuế huyện Đông Anh	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
112	6	Chi cục Thuế huyện Gia Lâm	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
113	7	Chi cục Thuế huyện Hoài Đức	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
114	8	Chi cục Thuế huyện Thanh Trì	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
115	9	Chi cục Thuế khu vực Thanh Oai - Chương Mỹ	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
116	10	Chi cục Thuế khu vực Thạch Thất - Quốc Oai	11	0	11	0	0	0	0	0	0	0	
117	11	Chi cục Thuế khu vực Sóc Sơn - Mê Linh	9	0	9	0	0	0	0	0	0	0	
118	12	Chi cục Thuế khu vực Thường Tín - Phú Xuyên	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
119	13	Chi cục Thuế khu vực Ứng Hòa - Mỹ Đức	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
120	14	Chi cục Thuế quận Ba Đình	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
121	15	Chi cục Thuế quận Bắc Từ Liêm	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
122	16	Chi cục Thuế quận Cầu Giấy	4	0	3	0	1	0	0	0	0	0	
123	17	Chi cục Thuế quận Đống Đa	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
124	18	Chi cục Thuế quận Hà Đông	8	0	8	0	0	0	0	0	0	0	
125	19	Chi cục Thuế quận Hai Bà Trưng	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
126	20	Chi cục Thuế quận Hoàn Kiếm	9	0	9	0	0	0	0	0	0	0	
127	21	Chi cục Thuế quận Hoàng Mai	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
128	22	Chi cục Thuế quận Long Biên	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
129	23	Chi cục Thuế quận Nam Từ Liêm	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
130	24	Chi cục Thuế quận Tây Hồ	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
131	25	Chi cục Thuế quận Thanh Xuân	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
25		Hà Tĩnh	11	2	3	0	6	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	9	2	3	0	4	0	0	0	0	0	
132	1	Chi cục Thuế KV Kỳ Anh	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
133	2	Chi cục Thuế KV TP Hà Tĩnh - Cẩm Xuyên	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CH CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$1=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
134	3	Chi cục Thuế KV Thạch Hà - Lộc Hà	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
135	4	Chi cục Thuế KV Hồng Lĩnh - Can Lộc	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
136	5	Chi cục Thuế huyện Nghi Xuân	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
137	6	Chi cục Thuế KV Hương Sơn - Đức Thọ	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
138	7	Chi cục Thuế KV Hương Khê - Vũ Quang	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	
26		Hải Dương	20	2	16	0	1	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	7	2	3	0	1	1	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	13	0	13	0	0	0	0	0	0	0	
139	1	Chi cục Thuế Tp Hải Dương	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
140	2	Chi cục Thuế TP Chí Linh	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
141	3	Chi cục Thuế khu vực Cẩm Bình	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
142	4	Chi cục Thuế khu vực Từ Lộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
143	5	Chi cục Thuế khu vực Nam Thanh	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
144	6	Chi cục Thuế khu vực Ninh Thanh	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
27		Hải Phòng	21	0	18	0	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	19	0	18	0	1	0	0	0	0	0	
145	1	Chi cục Thuế khu vực Hồng Bàng - An Dương	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
146	2	Chi cục Thuế khu vực Lê Chân - Dương Kinh	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
147	3	Chi cục Thuế khu vực Kiến An - An Lão	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
148	4	Chi cục Thuế khu vực Đồ Sơn - Kiến Thụy	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
149	5	Chi cục Thuế khu vực Vĩnh Bảo - Tiên Lãng	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
150	6	Chi cục Thuế huyện Thủy Nguyên	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
151	7	Chi cục Thuế huyện Cai Hải	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
152	8	Chi cục Thuế huyện Bạch Long Vỹ	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
28		Hậu Giang	60	14	34	0	6	6	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	14	2	8	0	2	2	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	46	12	26	0	4	4	0	0	0	0	
153	1	Chi cục Thuế khu vực I	8	2	4	0	1	1	0	0	0	0	
154	2	Chi cục Thuế khu vực II	14	4	8	0	1	1	0	0	0	0	
155	3	Chi cục Thuế khu vực III	16	4	10	0	1	1	0	0	0	0	
156	4	Chi cục Thuế khu vực IV	8	2	4	0	1	1	0	0	0	0	
29		Hòa Bình	35	16	15	2	2	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	10	7	3	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	25	9	12	2	2	0	0	0	0	0	
157	1	Chi cục Thuế khu vực Hòa Bình - Đà Bắc	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đang	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$1=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
158	2	Chi cục Thuế huyện Lương Sơn	3	1	2	0	0	0	0	0	0	0	
159	3	Chi cục Thuế khu vực Kim Bôi - Lạc Thủy	5	2	2	1	0	0	0	0	0	0	
160	4	Chi cục Thuế khu vực Lạc Sơn - Yên Thủy	6	2	2	1	1	0	0	0	0	0	
161	5	Chi cục Thuế khu vực Cao Phong - Tân Lạc	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
162	6	Chi cục Thuế huyện Mai Châu	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	
30		Hưng Yên	11	10	0	0	1	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0	
163	2	Chi cục Thuế khu vực Tiên Lữ - Phú Cù	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	
164	3	Chi cục Thuế khu vực Văn Giang - Khoái Châu	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
165	4	Chi cục Thuế khu vực Mỹ Hào - Văn Lâm	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
166	5	Chi cục Thuế khu vực Yên Mỹ - Ân Thi	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
31		Khánh Hòa	29	0	29	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	19	0	19	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế	10	0	10	0	0	0	0	0	0	0	
167	1	Chi cục Thuế thành phố Nha Trang	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
168	2	Chi cục Thuế khu vực Bắc Khánh Hòa	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
169	3	Chi cục Thuế khu vực Tây Khánh Hòa	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
170	4	Chi cục Thuế khu vực Nam Khánh Hòa	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
32		Kiên Giang	27	10	9	0	6	2	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	7	3	2	0	1	1	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	20	7	7	0	5	1	0	0	0	0	
171	1	Chi cục Thuế TP. Rạch Giá	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	
172	2	Chi cục Thuế TP. Hà Tiên	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
173	3	Chi cục Thuế TP. Phú Quốc	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	
174	4	Chi cục Thuế huyện Giang Thành	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
175	5	Chi cục Thuế khu vực Châu Thành - Tân Hiệp	4	1	1	0	1	1	0	0	0	0	
176	6	Chi cục Thuế khu vực Giồng Riềng - Gò Quao	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
177	7	Chi cục Thuế khu vực An Biên - An Minh	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	
178	8	Chi cục Thuế khu vực Vĩnh Thuận - U Minh Thượng	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
33		Lai Châu	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
179	1	Chi cục Thuế khu vực Thành phố Lai Châu - Tân Đường	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
34		Lâm Đồng	30	4	17	0	7	0	2	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác tuyển thông	
A		B	$1=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	I	Văn Phòng Cục Thuế	10	1	7	0	1	0	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	20	3	10	0	6	0	1	0	0	0	
180	1	Chi cục Thuế khu vực Đà Lạt - Lạc Dương	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
181	2	Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm	3	1	1	0	1	0	0	0	0	0	
182	3	Chi cục Thuế khu vực Đức Trọng - Đơn Dương	8	1	5	0	1	0	1	0	0	0	
183	4	Chi cục Thuế Huyện Di Linh	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
184	5	Chi cục Thuế khu vực Lâm Hà - Đam Rông	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
185	6	Chi cục Thuế khu vực Đa Hươai - Đa Tịch - Cát Tiên	3	1	1	0	1	0	0	0	0	0	
35		Lang Sơn	9	0	6	0	0	0	3	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	8	0	5	0	0	0	3	0	0	0	
186	1	Chi cục Thuế Thành phố Lang Sơn	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
187	2	Chi cục Thuế huyện Cao Lộc	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	
188	1	Chi cục Thuế khu vực I	2	0	1	0	0	0	1	0	0	0	
189	4	Chi cục Thuế khu vực II	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
190	5	Chi cục Thuế khu vực III	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
191	6	Chi cục Thuế khu vực IV	2	0	1	0	0	0	1	0	0	0	
36		Lào Cai	28	3	19	0	6	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	10	3	5	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	18	0	14	0	4	0	0	0	0	0	
192	1	Chi cục Thuế khu vực Lào Cai - Mường Khương	10	0	9	0	1	0	0	0	0	0	
193	2	Chi cục Thuế khu vực Bắc Hà - Si Ma Cai	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
194	3	Chi cục Thuế thị xã Sa Pa	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
195	4	Chi cục Thuế huyện Bát Xát	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
196	5	Chi cục Thuế huyện Bảo Yên	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
197	6	Chi cục Thuế huyện Văn Bàn	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
37		Long An	97	15	77	0	3	0	2	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	22	4	17	0	0	0	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	75	11	60	0	3	0	1	0	0	0	
198	1	Chi cục Thuế khu vực Tân An - Thủ Thừa	13	2	10	0	0	0	1	0	0	0	
199	2	Chi cục Thuế huyện Bến Lức	12	2	10	0	0	0	0	0	0	0	
200	3	Chi cục Thuế khu vực Châu Thành - Tân Trụ	6	1	5	0	0	0	0	0	0	0	
201	4	Chi cục Thuế khu vực Cần Giuộc - Cần Đước	12	1	11	0	0	0	0	0	0	0	
202	5	Chi cục Thuế khu vực Đức Hòa - Đức Huệ	14	2	11	0	1	0	0	0	0	0	
203	6	Chi cục Thuế khu vực Tân Thạnh - Thạnh Hóa	4	1	3	0	0	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác tuyên thông	
A		B	$1=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
204	7	Chi cục Thuế khu vực Kiên Tường - Mộc Hóa	8	1	6	0	1	0	0	0	0	0	
205	8	Chi cục Thuế khu vực Vĩnh Hưng - Tân Hưng	6	1	4	0	1	0	0	0	0	0	
38		Nam Định	8	0	6	0	1	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	6	0	5	0	0	1	0	0	0	0	
206	1	Chi cục Thuế khu vực Nam Ninh	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
207	2	Chi cục Thuế huyện Hải Hậu	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	
208	3	Chi cục Thuế huyện Xuân Thủy	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
209	4	Chi cục Thuế huyện Nghĩa Hưng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
39		Nghệ An	24	0	22	0	2	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	24	0	22	0	2	0	0	0	0	0	
210	1	Chi cục Thuế khu vực Sông Lam I	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
211	2	Chi cục Thuế khu vực Bắc Nghệ I	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
212	3	Chi cục Thuế khu vực Tây Nghệ I	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
213	4	Chi cục Thuế khu vực Phù Quý I	8	0	7	0	1	0	0	0	0	0	
214	5	Chi cục Thuế khu vực Phù Quý II	4	0	3	0	1	0	0	0	0	0	
40		Ninh Bình	9	0	9	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	9	0	9	0	0	0	0	0	0	0	
215	1	Chi cục Thuế khu vực Tam Điệp - Yên Mô	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
216	2	Chi cục Thuế khu vực Kim Sơn - Yên Khánh	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
217	3	Chi cục Thuế khu vực Nho Quan - Gia Viễn	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
41		Ninh Thuận	15	0	14	0	0	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	15	0	14	0	0	1	0	0	0	0	
218	1	Chi cục Thuế TP. Phan Rang - Tháp Chàm	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
219	2	Chi cục Thuế khu vực Ninh Phước - Thuận Nam	6	0	5	0	0	1	0	0	0	0	
220	3	Chi cục Thuế khu vực Ninh Sơn - Bác Ái	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
221	4	Chi cục Thuế khu vực Ninh Hải - Thuận Bắc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
42		Phú Thọ	23	0	13	0	6	0	4	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	4	0	3	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	19	0	10	0	5	0	4	0	0	0	
222	1	Chi cục Thuế huyện Đoan Hùng	2	0	1	0	0	0	1	0	0	0	
223	2	Chi cục Thuế khu vực Cẩm Khê - Yên Lập	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	

TT CỤC CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Chỉ chỉ
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đang	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$J=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
224	3	Chi cục Thuế khu vực Lâm Thao - Phú Ninh	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
225	4	Chi cục Thuế khu vực Tam Nông - Thanh Thủy	4	0	2	0	1	0	1	0	0	0	
226	5	Chi cục Thuế khu vực Thanh Sơn - Tân Sơn	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
227	6	Chi cục Thuế khu vực Thanh Ba - Hạ Hòa	6	0	4	0	1	0	1	0	0	0	
228	7	Chi cục Thuế thành phố Việt Trì	4	0	3	0	0	0	1	0	0	0	
43		Phú Yên	18	0	16	0	2	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	7	0	5	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	11	0	11	0	0	0	0	0	0	0	
229	1	Chi cục Thuế thành phố Tuy Hoà	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
230	2	Chi cục Thuế Thị xã Sông Cầu	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
231	3	Chi cục Thuế Thị xã Đông Hoà	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
232	4	Chi cục Thuế khu vực Tuy An - Đồng Xuân	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
44		Quảng Bình	18	0	15	0	2	1	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	9	0	9	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	9	0	6	0	2	1	0	0	0	0	
233	1	Chi cục Thuế khu vực Tuyên Hóa - Minh Hóa	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
234	2	Chi cục Thuế khu vực Quảng Trạch - Ba Đồn	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	
235	3	Chi cục Thuế huyện Bố Trạch	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
236	4	Chi cục Thuế khu vực Đồng Hới - Quảng Ninh	4	0	3	0	1	0	0	0	0	0	
45		Quảng Nam	40	4	27	0	5	2	2	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	14	0	10	0	4	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	26	4	17	0	1	2	2	0	0	0	
237	1	Chi cục Thuế khu vực Quế Sơn - Nông Sơn - Hiệp Đức	5	1	3	0	0	1	0	0	0	0	
238	2	Chi cục Thuế khu vực Điện Bàn - Duy Xuyên	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
239	3	Chi cục Thuế khu vực Tam Kỳ - Phú Ninh	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
240	4	Chi cục Thuế khu vực Đông Giang - Tây Giang	3	1	0	0	1	0	1	0	0	0	
241	5	Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn - Nam Giang	4	1	2	0	0	0	1	0	0	0	
242	6	Chi cục Thuế khu vực Trà My - Tiên Phước	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
243	7	Chi cục Thuế huyện Đại Lộc	5	1	3	0	0	1	0	0	0	0	
244	8	Chi cục Thuế huyện Núi Thành	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
46		Quảng Ngãi	25	0	21	0	4	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	14	0	12	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	11	0	9	0	2	0	0	0	0	0	
245	1	Chi cục Thuế khu vực Quảng Ngãi - Sơn Tịnh	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
246	2	Chi cục Thuế khu vực Đức Phổ - Ba Tơ	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
247	3	Chi cục thuế khu vực Nghĩa Hành - Minh Long	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
248	4	Chi cục Thuế Lý Sơn	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
A		B	$1=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
47		Quảng Ninh	20	0	16	0	2	2	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	5	0	2	0	2	1	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	15	0	14	0	0	1	0	0	0	0	
249	1	Chi cục Thuế thành phố Hạ Long	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
250	2	Chi cục Thuế khu vực Cẩm Phả - Văn Đồn - Cỗ Tô	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
251	3	Chi cục Thuế khu vực Uông Bí - Quảng Yên	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
252	4	Chi cục Thuế thành phố Móng Cái	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
253	5	Chi cục Thuế Thị xã Đông Triều	2	0	1	0	0	1	0	0	0	0	
48		Quảng Trị	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
254	1	Chi cục Thuế khu vực Đông Hà - Cam Lộ	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
255	2	Chi cục Thuế khu vực Triệu Hải	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
49		Sóc Trăng	46	11	18	7	6	0	4	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	15	3	9	0	2	0	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	31	8	9	7	4	0	3	0	0	0	
256	1	Chi cục Thuế khu vực TP Sóc Trăng	5	2	2	1	0	0	0	0	0	0	
257	2	Chi cục Thuế khu vực Châu Thành	5	2	1	1	0	0	1	0	0	0	
258	3	Chi cục Thuế khu vực Thanh Trị	6	1	2	2	0	0	1	0	0	0	
259	4	Chi cục Thuế huyện Kế Sách	6	1	2	2	1	0	0	0	0	0	
260	5	Chi cục Thuế KV Long Phú	6	1	1	1	2	0	1	0	0	0	
261	6	Chi cục Thuế TX Vĩnh Châu	3	1	1	0	1	0	0	0	0	0	
50		Sơn La	13	0	5	0	6	0	2	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	11	0	4	0	5	0	2	0	0	0	
262	1	Chi cục Thuế khu vực Mai Sơn - Yên Châu	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
263	2	Chi cục Thuế khu vực Mộc Châu - Vân Hồ	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
264	3	Chi cục Thuế khu vực Phù Yên - Bắc Yên	2	0	0	0	1	0	1	0	0	0	
265	4	Chi cục Thuế khu vực Thuận Châu - Quỳnh Nhai	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
266	5	Chi cục Thuế khu vực Sông Mã - Sốp Cộp	2	0	0	0	1	0	1	0	0	0	
51		Tây Ninh	50	12	27	0	7	4	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	24	6	15	0	3	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	26	6	12	0	4	4	0	0	0	0	
267	1	Chi cục Thuế khu vực thành phố Tây Ninh-Châu Thành	8	2	5	0	0	1	0	0	0	0	
268	2	Chi cục Thuế khu vực Hòa Thành-Dương Minh Châu	5	1	3	0	0	1	0	0	0	0	
269	3	Chi cục Thuế khu vực Tân Biên-Tân Châu	7	1	3	0	2	1	0	0	0	0	
270	4	Chi cục Thuế khu vực Gò Dầu-Trảng Bàng-Bến Cầu	6	2	1	0	2	1	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác tuyển thông	
A		B	$J=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
52		Thái Bình	13	0	13	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	13	0	13	0	0	0	0	0	0	0	
271	1	Chi Cục Thuế KV Quỳnh Phụ - Hưng Hà	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
272	2	Chi Cục Thuế KV TP Thái Bình - Vũ Thư	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
53		Thái Nguyên	25	0	23	0	2	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	7	0	5	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	18	0	18	0	0	0	0	0	0	0	
273	1	Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên	8	0	8	0	0	0	0	0	0	0	
274	2	Chi cục Thuế khu vực Đồng Hỷ-Vô Nhai	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
275	3	Chi cục Thuế khu vực Phổ Yên-Phù Bình	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
276	4	Chi cục Thuế khu vực Sông Công-Đài Tú	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
277	5	Chi cục Thuế khu vực Phú Lương-Định Hòa	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
54		Thanh Hóa	41	10	28	0	3	0	0	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	10	3	7	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	31	7	21	0	3	0	0	0	0	0	
278	1	Chi cục Thuế khu vực TP Thanh Hoá - Đông Sơn	10	5	4	0	1	0	0	0	0	0	
279	2	Chi cục Thuế khu vực TP Sầm Sơn - Quảng Xương	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
280	3	Chi cục Thuế khu vực Nga Sơn - Hậu Lộc	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
281	4	Chi cục Thuế huyện Hoằng Hoá	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
282	5	Chi cục Thuế khu vực Yên Định - Thiệu Hóa	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
283	6	Chi cục Thuế khu vực Thọ Xuân - Thường Xuân	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
284	7	Chi cục Thuế khu vực Triệu Sơn - Nông Cống	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
285	8	Chi cục Thuế khu vực Vĩnh Lộc - Thạch Thành	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
286	9	Chi cục Thuế khu vực Cẩm Thủy - Bá Thước	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
287	10	Chi cục Thuế khu vực Ngọc Lặc - Lang Chánh	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
288	11	Chi cục Thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân	4	2	2	0	0	0	0	0	0	0	
289	12	Chi cục Thuế khu vực Quan Hoá - Quan Sơn - Mường Lát	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
55		Thừa Thiên Huế	24	8	12	3	1	0	0	0	0	0	

TT CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác tuyển thông	
A		B	$I=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	10	3	4	3	0	0	0	0	0	0	
290	1	Chi cục Thuế thành phố Huế	2	0	1	1	0	0	0	0	0	0	
291	2	Chi cục Thuế khu vực Hương Điền	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	
292	3	Chi cục Thuế khu vực Hương Phú	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
293	4	Chi cục Thuế khu vực Phú Lộc - Nam Đông	4	1	1	2	0	0	0	0	0	0	
294	5	Chi cục Thuế huyện A Lưới	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	
56		Tiền Giang	78	15	49	5	5	0	4	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	32	6	25	0	0	0	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	46	9	24	5	5	0	3	0	0	0	
295	1	Chi cục Thuế huyện Cái Bè	9	2	5	1	1	0	0	0	0	0	
296	2	Chi cục Thuế khu vực Cai Lậy	9	1	5	2	0	0	1	0	0	0	
297	3	Chi cục Thuế khu vực Châu Thành-Tân Phước	10	2	4	2	1	0	1	0	0	0	
298	4	Chi cục Thuế thành phố Mỹ Tho	11	3	6	0	1	0	1	0	0	0	
299	5	Chi cục Thuế khu vực Gò Công Tây-Chợ Gạo	6	1	4	0	1	0	0	0	0	0	
300	6	Chi cục Thuế khu vực thị xã Gò Công-Gò Công Đông-Tân Phú Đông	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
57		TP. Hồ Chí Minh	150	16	110	0	13	6	5	0	0	0	
	I	Văn Phòng Cục Thuế	12	4	6	0	0	1	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	138	12	104	0	13	5	4	0	0	0	
301	1	Chi cục Thuế quận 1	17	2	13	0	1	1	0	0	0	0	
302	2	Chi cục Thuế thành phố Thủ Đức	26	5	19	0	1	0	1	0	0	0	
303	3	Chi cục Thuế quận 3	12	1	9	0	1	0	1	0	0	0	
304	4	Chi cục Thuế quận 4	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
305	5	Chi cục Thuế quận 5	10	1	7	0	1	1	0	0	0	0	
306	6	Chi cục Thuế quận 6	8	1	6	0	1	0	0	0	0	0	
307	7	Chi cục Thuế khu vực Quận 7 - huyện Nhà Bè	10	1	7	0	1	0	1	0	0	0	
308	8	Chi cục Thuế quận 8	7	0	5	0	1	1	0	0	0	0	
309	9	Chi cục Thuế quận 10	3	0	1	0	1	1	0	0	0	0	
310	10	Chi cục Thuế quận 11	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
311	11	Chi cục Thuế khu vực Quận 12 - huyện Hóc Môn	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
312	12	Chi cục Thuế quận Tân Bình	12	1	9	0	1	1	0	0	0	0	
313	13	Chi cục Thuế quận Tân Phú	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0	
314	14	Chi cục Thuế quận Bình Tân	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
315	15	Chi cục Thuế quận Bình Thạnh	6	0	5	0	0	0	1	0	0	0	
316	16	Chi cục Thuế quận Phú Nhuận	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
317	17	Chi cục Thuế huyện Bình Chánh	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	
318	18	Chi cục Thuế huyện Cần Giờ	6	0	6	0	0	0	0	0	0	0	
319	19	Chi cục Thuế huyện Củ Chi	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
58		Trà Vinh	48	10	34	0	2	1	1	0	0	0	

ST CỤC /CHI CỤC	TT	ĐƠN VỊ	Tổng chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng năm 2022	Trong đó									Ghi chú
				Chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ	Kiểm tra viên Thuế	Kiểm tra viên trung cấp Thuế	Chuyên viên làm CNTT	Văn thư viên	Văn thư viên trung cấp	Chuyên viên xây dựng cơ bản	Chuyên viên làm công tác Đảng	Chuyên viên làm công tác truyền thông	
4		B	$I=2+3+4+5+6+7+8+9+10$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
320	I	Văn Phòng Cục Thuế	14	0	12	0	0	1	1	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	34	10	22	0	2	0	0	0	0	0	
	I	Chi cục Thuế khu vực TP Trà Vinh - Châu Thành	11	5	6	0	0	0	0	0	0	0	
321	2	Chi cục Thuế huyện Càng Long	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
322	3	Chi cục Thuế khu vực Tiểu Cần - Cầu Kê	8	2	5	0	1	0	0	0	0	0	
323	4	Chi cục Thuế khu vực Cầu Ngang - Trà Cú	4	0	3	0	1	0	0	0	0	0	
324	5	Chi cục Thuế khu vực Duyên Hải	7	3	4	0	0	0	0	0	0	0	
59		Tuyên Quang	26	8	18	0	0	0	0	0	0	0	
325	I	Văn Phòng Cục Thuế	14	5	9	0	0	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	12	3	9	0	0	0	0	0	0	0	
	I	Chi cục Thuế khu vực thành phố Tuyên Quang - Yên Sơn	6	2	4	0	0	0	0	0	0	0	
326	2	Chi cục Thuế huyện Sơn Dương	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
327	3	Chi cục Thuế khu vực Chiêm Hóa - Hàm Yên	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	
328	4	Chi cục Thuế khu vực Na Hang - Lâm Bình	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
60		Vĩnh Long	40	2	35	0	2	1	0	0	0	0	
329	I	Văn Phòng Cục Thuế	11	2	8	0	1	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	29	0	27	0	1	1	0	0	0	0	
	I	Chi cục Thuế khu vực I	13	0	13	0	0	0	0	0	0	0	
330	2	Chi cục Thuế khu vực II	7	0	7	0	0	0	0	0	0	0	
331	3	Chi cục Thuế khu vực III	4	0	2	0	1	1	0	0	0	0	
332	4	Chi cục Thuế khu vực IV	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	
61		Vĩnh Phúc	24	2	18	0	3	1	0	0	0	0	
333	I	Văn Phòng Cục Thuế	13	1	10	0	2	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc thuế	11	1	8	0	1	1	0	0	0	0	
	I	Chi cục Thuế thành phố Vĩnh Yên	4	0	3	0	0	1	0	0	0	0	
334	2	Chi cục Thuế khu vực Phúc Yên	5	1	3	0	1	0	0	0	0	0	
335	3	Chi cục Thuế khu vực Vĩnh Tường	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
336	5	Chi cục Thuế khu vực Lập Thạch	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
62		Yên Bái	30	3	18	0	5	3	1	0	0	0	
337	I	Văn Phòng Cục Thuế	14	2	9	0	3	0	0	0	0	0	
	II	Chi cục Thuế trực thuộc	16	1	9	0	2	3	1	0	0	0	
	I	Chi cục Thuế thành phố Yên Bái	4	1	2	0	0	1	0	0	0	0	
338	2	Chi cục Thuế huyện Yên Bình	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	
339	3	Chi cục Thuế huyện Lục Yên	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0	
340	4	Chi cục Thuế khu vực Trấn Yên-Vân Yên	2	0	0	0	1	1	0	0	0	0	
341	5	Chi cục Thuế khu vực Nghĩa Văn-Trạm Tầu	4	0	3	0	0	0	1	0	0	0	
342	6	Chi cục Thuế huyện Mù Cang Chải	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	
63		Cơ quan Tổng cục Thuế	67	15	0	0	40	2	0	5	2	3	
		Tổng cộng:	2,024	283	1,387	25	231	47	38	8	2	3	